

Số: 638 /NHCS-KHTD

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 7 năm 2021

V/v hướng dẫn cho vay người sử dụng lao động để  
trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

Kính gửi:

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Thực hiện văn bản số 6199/HD-NHCS ngày 08/7/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

Để hỗ trợ kịp thời cho người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất trên địa bàn, chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Quý cơ quan, đơn vị phối hợp với NHCSXH tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người sử dụng lao động về quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn thực hiện cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cụ thể như sau:

#### **1. Điều kiện vay vốn:**

Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương cho người lao động theo quy định tại khoản 11 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi chung là khách hàng) được xét duyệt cho vay khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

##### **1.1. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc:**

a) Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

b) Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

1.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh:

a) Đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

b) Đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phục hồi sản xuất, kinh doanh

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã hoàn thành quyết toán thuế năm 2020 tại thời điểm đề nghị vay vốn.

## 2. Mức cho vay, lãi suất và thời hạn vay

### 2.1. Mức cho vay:

a. Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất với thời gian tối đa 03 tháng/người lao động.

b. Việc xác định mức cho vay hằng tháng đối với khách hàng như sau:

Mức cho vay tối đa	=	Số tiền vay vốn trả lương ngừng việc	+	Số tiền vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất
01 tháng của 01 khách hàng				

Trong đó:

Số tiền vay vốn trả lương ngừng việc	=	Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động bị ngừng việc	x	Số người lao động bị ngừng việc được cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận trong Danh sách Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết
--------------------------------------	---	---	---	--

Số tiền vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất

= Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động

định số 23/2021/QĐ-TTg  
Số người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động được cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận trong Danh sách Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg

c. Mức tiền lương tối thiểu vùng căn cứ theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2.2. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm (không phân trăm);
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm;

2.3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dưới 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

Khách hàng không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.

### 3. Hồ sơ vay vốn

3.1. Khách hàng tự kê khai, lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay.

3.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

3.2.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập/Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

đ) Bản gốc các văn bản thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động.

3.2.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b, đ điểm 3.2.1 khoản 3 văn bản này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d điểm 3.2.1 khoản 3 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

3.3. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

3.3.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12b ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động, Mẫu số 12c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập/Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

e) Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động).

g) Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động (đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

3.3.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 3.3.1 khoản 3 văn bản này.
- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e điểm 3.3.1 khoản 3 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

3.4. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

#### **4. Quy trình cho vay:**

4.1. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ quy định tại khoản 3 văn bản này do khách hàng cung cấp, lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 01/CVTL) trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

4.2. Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

a) Tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống thông tin tín dụng Quốc gia (CIC) để xác định tình trạng nợ xấu của khách hàng; in kết quả tra cứu thông tin kèm theo hồ sơ vay vốn.

b) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn.

c) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và khách hàng không có nợ xấu theo quy định tại khoản 3 văn bản này, lập Tờ trình phê duyệt cho vay (Mẫu số 02/CVTL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 03/CVTL) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04/CVTL), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

4.3. Căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, cán bộ được phân công cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/CVTL, 05PL/CVTL):

a) Hợp đồng tín dụng được lập một lần với khách hàng vay vốn lần đầu và lập Phụ lục Hợp đồng tín dụng cho các lần vay vốn tiếp theo (nếu có).

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu mở tài khoản tại NHCSXH để phục vụ cho việc giải ngân, thu nợ, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1155/NHCS-KTTC ngày 07/4/2017 của Tổng Giám đốc. Khi mở tài khoản, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về việc NHCSXH được chủ động trích số dư trong tài khoản này để thu nợ gốc, thu lãi quá hạn (nếu có).

### 5. Tổ chức giải ngân:

5.1. Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

5.2. NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện giải ngân tới khách hàng trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận tái cấp vốn.

5.3. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động đối với các tháng 5, 6, 7 năm 2021, khách hàng lập hồ sơ vay vốn từng tháng, NHCSXH nơi cho vay căn cứ hồ sơ vay vốn của khách hàng để phê duyệt, ký Hợp đồng tín dụng và thực hiện giải ngân 01 lần.

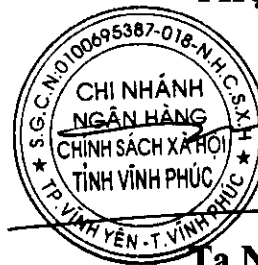
5.4. Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

Trên đây là hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất của chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc. Chi nhánh trân trọng gửi tới Quý cơ quan, đơn vị biết để phối hợp thực hiện. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên (p/h t/h);
- UBND tỉnh (thay b/c);
- PCT, Trưởng BDD HĐQT tỉnh (đề b/c);
- TV BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (b/c);
- Sở: LĐT&XH, KH&ĐT (p/h);
- Cục Thuế tỉnh, Chi Cục Thuế cấp huyện (p/h);
- BHXH tỉnh, huyện (p/h);
- UBND, TBDD HĐQT NHCSXH cấp huyện, (p/h);
- Tổ chức CTXH tỉnh, huyện (p/h);
- GD, PGD CN (đề b/c);
- PGD NHCSXH huyện, TP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (p/h tuyên truyền);
- Báo Vĩnh Phúc, Đài TH tỉnh (p/h tuyên truyền);
- Lưu: VT, KHTD.

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHỤ TRÁCH**



**Tạ Ngọc Thảo**